

**Bản án số: 83/2022/HS-ST**

# NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Minh Huệ

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Dương Viết Vĩnh

## 2. Ông Nguyễn Thái Học

**Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Văn Giáp – Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Bình, Thái Nguyên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh T tham gia phiên toà:*  
Ông Lưu Nguyên Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh T xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 81/2022/HSST ngày 03/8/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2022/QĐXXST - HS ngày 17/8/2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN T**; Sinh ngày 15/8/1984, tại huyện P, tỉnh T. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố T, thị trấn H, huyện P, tỉnh T; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Trung T; Sinh năm: 1947; Con bà: Nguyễn Thị B, sinh năm: 1946; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1986; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2013.

- Tiền án; Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 15/12/2017 bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh T xử phạt 3 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/01/2020.

Bị cáo Nguyễn Văn T bị bắt tạm giam từ ngày 09/6/2022 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

2. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN V**; Sinh ngày 05/01/1991 huyện P, tỉnh T; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố T, thị trấn H, huyện P, tỉnh T; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn B, sinh năm: 1950; Con bà: Trần Thị B, sinh năm: 1952; Vợ, con: chưa có.

- Tiền án: Ngày 20/02/2019, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh T xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/8/2020.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo Nguyễn Văn V bị bắt tạm giam từ ngày 09/6/2022 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Phú Bình.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa).

*Bị hại:*

Anh Trần Cao S, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm T, xã Kha S, huyện P, tỉnh T.

*Người làm chứng:*

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: TDP T, thị trấn H, huyện P, tỉnh T.

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm T, xã Kha S, huyện P, tỉnh T.

Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm G, xã T, huyện P, tỉnh T.

Nguyễn Văn Tr sinh năm 2013 (vắng mặt)

Địa chỉ: TDP T, thị trấn H, huyện P, tỉnh T.

(Người giám hộ cho cháu Tr là chị Nguyễn Thị H)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/6/2022, chị Nguyễn Thị H, trú tại tổ dân phố T, thị trấn H, huyện P, tỉnh T và bạn bè làm cùng công ty may TNG chi nhánh P rủ nhau ăn đựng thịt lợn tại nhà chị H. CH chị H là Nguyễn Văn T nhờ Nguyễn Văn V, trú tại tổ dân phố T, thị trấn H, huyện P (là em họ T) sang giúp thịt lợn và làm cơm. Khoảng 15 giờ cùng ngày, V sang nhà T thịt lợn và làm cơm cùng gia đình T xong thì về nhà tắm, đến 18 giờ cùng ngày V sang nhà T và ăn cơm, uống rượu cùng bạn bè của

chị H và T. Khoảng 19 giờ cùng ngày, bạn của T là anh Trần Cao S, sinh năm: 1989, trú tại: xóm T, xã Kha S, huyện P, tỉnh T đi cùng anh Nguyễn Văn Tùng, sinh năm: 2001 trú tại xóm T, xã Kha S, huyện P, tỉnh T đến nhà T ăn cơm, uống rượu. Trước khi ngồi vào ăn cơm anh S treo 01 túi vải màu đen ở đầu ghế dài, cạnh bàn uống nước (đây là túi đựng tiền của anh S đi bán hàng), bên trong túi có số tiền 9.277.000 đồng và một số vật dụng cá nhân. Anh S và anh T ngồi ăn cơm cùng mâm với V, đến khoảng 19 giờ 30 phút, sau khi ăn cơm xong, T lên bàn uống nước để pha chè thì nhìn thấy chiếc túi của anh S treo trên chiếc ghế dài kê gần khu vực cửa ra vào buồng ngủ của vợ chồng T, T không biết đây là túi của anh S và T nghĩ rằng bên trong túi có tiền. Do bản thân T là người sử dụng ma túy, cần tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong túi. Tuy nhiên, lúc này có nhiều người đang ngồi ăn cơm và hát Karaoke nên sợ bị phát hiện, T nảy sinh ý định xúi giục V trộm cắp tài sản trong chiếc túi. Đến khoảng 20 giờ, T thấy V ăn cơm xong và đi ra sân, T chủ động đi đến gần V ghé sát tai và nói “V ơi, vào đầu ghế dài có cái túi đen xem có cái gì không thì lấy”. V hiểu ý của T là vào trong nhà để lấy chiếc túi treo trên ghế lục tìm trộm cắp tài sản trong túi nên hỏi lại T là “Ở đâu” thì T trả lời là “Trong nhà”. Sau đó, V đi vào trong nhà và ngồi tại đôn gỗ gần bàn uống nước quan sát thấy chiếc túi vải của anh S treo tại ghế dài rồi đi đến ngồi tại đầu ghế dài để quan sát mọi người xem có ai để ý không. Lợi dụng khi anh S và mọi người không chú ý, V đã dùng tay trái cầm vào phần dây đeo của túi vải nhấc ra khỏi ghế rồi ném vào trong buồng ngủ của T qua rèm vải được kéo kín che hết phần cửa ra vào buồng ngủ rồi tiếp tục quan sát khi không thấy ai để ý thì V đi vào buồng ngủ để lục túi trộm cắp tài sản. V mở hai khuy cài của túi vải thì không thấy có ngăn túi nào. V tiếp tục mở ngăn khóa trên thân túi vải và phát hiện bên trong túi có 01 tập tiền được buộc bằng dây nịt màu vàng cùng nhiều đồ đạc, giấy tờ khác. V lấy tập tiền rồi dùng hai tay nâng chiếc đệm ở giường ngủ lên cất tập tiền vừa trộm cắp được vào góc giường, phía đuôi giường rồi đặt chiếc đệm xuống như ban đầu. Sau đó, V kéo khóa túi vải lại nhưng không đóng lại hai khuy cài rồi dùng tay trái cầm vào phần dây đeo của túi vải đi ra đến cửa buồng ngủ ngó qua rèm cửa và quan sát thấy không có ai để ý thì V đi ra phòng khách và treo lại túi vải vào đầu ghế dài như ban đầu. Sau đó, V đi ra sân ngồi để chờ khách ăn cơm về bữa thì sẽ quay lại để lấy tiền mang về. Đến khoảng 20 giờ 30 phút, anh S ăn xong và đi rửa mặt rồi quay lại lấy túi treo trên ghế thì phát hiện túi bị mở hai khuy cài, nghi ngờ có người lấy tiền trong túi nên anh S đã kiểm tra và phát hiện bị mất tập tiền. Anh S đã thông báo cho T, chị H và những người có mặt biết nhưng không ai thừa nhận đã trộm cắp tiền của anh S nên anh S đã gọi điện trình báo sự việc đến Công an thị trấn H, huyện Phú Bình, V đứng ngoài sân nghe thấy nên đã bỏ về nhà vì sợ bị phát hiện. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, Công an thị trấn H, huyện Phú Bình đến đã lập biên bản sự việc và đề nghị T, chị H cho kiểm tra trong nhà. Quá trình kiểm tra phát hiện tại cuối giường, dưới đệm trong phòng ngủ của T, chị H có 01 tập tiền được buộc bằng

dây nịt màu vàng. Anh S xác định đây là tập tiền của anh S bị mất nên Công an thị trấn H đã báo cáo vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình để giải quyết theo thẩm quyền. Khi Cơ quan Cảnh sát điều tra đến và mời V đến nhà T làm việc, V đã thừa nhận việc nghe T xúi giục và trộm cắp tiền trong chiếc túi đen của anh S và cất giấu tại cuối giường, dưới đệm trong buồng ngủ của T và chị H. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành lập biên bản tạm giữ số tiền 9.277.000 đồng cùng 01 chiếc điện thoại di động của chị H quay lại video những người ăn cơm và hát Karaoke tại nhà chị H và phát trực tiếp trên tài khoản Facebook “H Vt” của chị H, đưa V cùng những người có liên quan về trụ sở Công an huyện Phú Bình để điều tra làm rõ.

Hồi 19 giờ 15 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã mở niêm phong kiểm tra đối với chiếc điện thoại của chị H xác định tại ứng dụng Facebook của chị H có video phát trực tiếp ghi lại hình ảnh, V trí của T, V, anh S khi ăn cơm tại nhà chị H.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn V đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của T và V là có căn cứ, phù hợp với nội dung đơn trình báo của người bị hại; biên bản khám nghiệm hiện trường; sơ đồ hiện trường; vật chứng thu giữ; biên bản kiểm tra điện thoại, lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án là 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen nhãn hiệu Samsung Galaxy A30, số Imei 1: 354868101927046; Imei 2: 354869101927044 đã qua sử dụng màn hình bị nứt vỡ được niêm phong trong bì thư ký hiệu ĐT và số tiền 9.277.000 đồng đã được chuyển từ kho vật chứng của Công an huyện Phú Bình tài khoản tạm gửi của Công an huyện Phú Bình tại Kho bạc Nhà nước huyện Phú Bình đến kho vật chứng và tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 9.277.000 đồng T và V trộm cắp của anh S, anh S đề nghị được nhận lại và không có yêu cầu đề nghị đối với T và V phải bồi thường gì.

Bản cáo trạng số 81/CT- VKSPB, ngày 01/8/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh T đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố hai bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 đến 15 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 12 đến 15 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS.

Trả lại cho anh S số tiền 9.277.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không đề nghị gì.

Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo V phải chịu án phí dân hình sự sơ thẩm, miễn án phí đối với bị cáo T do bị cáo là hộ cận nghèo

Thông báo cho các bị cáo và bị hại biết quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận gì. Nói lời sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Bình, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh T trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ kết tội đối với các bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của các bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, lời khai của các bị cáo phù hợp với chính lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản ghi lời khai, biên bản xác định hiện trường và các vật chứng khác có trong hồ sơ của vụ án, do đó có đủ căn cứ để khẳng định:

Khoảng 20 giờ ngày 04/6/2022, tại nhà ở của Nguyễn Văn T, sinh năm 1984 thuộc tổ dân phố T, thị trấn H, huyện P, tỉnh T. Văn T đã xúi giục Nguyễn Văn V lén lút trộm cắp số tiền 9.277.000 đồng để bên trong túi đeo của anh Trần Cao S treo trên ghế trong phòng khách nhà T mục đích để chia nhau tiêu xài cá nhân nhưng chưa kịp chia thì bị phát hiện. Tài sản là số tiền 9.277.000 đồng đã được thu hồi, Hành vi xúi giục của T và hành vi lén lút thực hiện trộm cắp của V đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình truy tố các bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

Nội dung khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*

*...”*

[3]. Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, tuy nhiên các bị cáo là người nghiện ma túy, có nhân thân xấu, lười lao động, đi trộm cắp tài sản của người khác để tiêu sài cá nhân, hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự trị an tại địa phương nên hành vi này phải xét xử nghiêm khắc bằng pháp luật hình sự.

[4]. Xét vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này, bị cáo T là người xúi giục, bị cáo V là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình gây ra.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, bố các bị cáo đều là người có công với cách mạng, vì vậy các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

[6]. Về hình phạt bổ sung: Hành vi phạm tội của các bị cáo bột phát, các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có tài sản riêng gì, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì.

[8]. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Trả lại cho anh S số tiền 9.277.000 đồng.

Đối với vật chứng là 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen nhãn hiệu Samsung Galaxy A30, số Imei 1: 354868101927046; Imei 2: 354869101927044 đã qua sử dụng màn hình bị nứt vỡ được niêm phong trong bì thư ký hiệu ĐT của chị H không phải là phương tiện công cụ phạm tội vì vậy cần trả lại cho chị H.

**[8].** Xét đề nghị của V đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, biện pháp cải tạo đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

**[9].** Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo T được miễn án phí HSST (thuộc trường hợp hộ cận nghèo), bị cáo V phải chịu án phí HSST sung quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**[10].** Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- khoản 1, Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T

- khoản 1, Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn V;

- Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 2 Điều 136; Điều 106, Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

**2.** Về hình phạt chính: Xử phạt

Nguyễn Văn T 12 tháng tù, Nguyễn Văn V 12 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày các bị cáo bị bắt tạm giam.

Tạm giam các bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án;

Phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Trả lại cho anh S số tiền 9.277.000 đồng theo giấy nộp tiền ngày 21/6/2022 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện P, tỉnh T. (Uỷ nhiệm chi ngày 05/8/2022)

Trả lại cho chị H: 01 (một) bì thư niêm phong còn nguyên vẹn được dán kín có dấu đỏ ký hiệu ĐT, ngoài bì thư có ghi 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A30 máy cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Thị H sinh năm 1986 trú tại TDP T, thị trấn H, huyện P, tỉnh T giao nộp.

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/8/2022 giữa Công an huyện P, tỉnh T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh T)*

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T được miễn án phí hình sự sơ thẩm (thuộc hộ cận nghèo), bị cáo Nguyễn Văn V phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

6. Thông báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo Nguyễn Văn V có mặt; bị hại anh Trần Cao S có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thị Minh Huệ**



